

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 940/QĐ-ĐHNT, ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

Tên ngành: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 6480201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: (Chính quy/thường xuyên)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cao đẳng Công nghệ thông tin (CNTT) nhằm trang bị cho sinh viên có đủ kiến thức lý thuyết cơ bản, khả năng thực hành thành thạo và kiến thức thực tế cần thiết về 2 mảng vị trí việc làm CNTT là Quản trị mạng máy tính và Thiết kế website doanh nghiệp, có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng học để chung sống và ngoại ngữ.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Chương trình bảo đảm liên thông giữa các cấp trình độ; phù hợp với thực tiễn thiết bị, công nghệ tiên tiến và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra):

1.2.1. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

1.2.1.1. Có lập trường chính trị tư tưởng, ý thức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.1.2. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

1.2.2 Kiến thức

1.2.2.1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quân sự, pháp luật; thể dục thể thao và phương pháp rèn luyện sức khỏe.

1.2.2.2. Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc ngành đào tạo

1.2.3 Kỹ năng

1.2.3.1. Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề; kỹ năng rèn luyện sức khỏe.

1.2.3.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn

CTĐT được thiết kế với các nhóm nội dung.

- ✓ **Phần cứng & Hạ tầng mạng:** Lắp ráp và cài đặt máy tính, Mạng căn bản, Mạng nâng cao, mạng không dây, Thiết kế và triển khai hạ tầng mạng
- ✓ **Quản trị mạng và An ninh mạng:** Quản trị mạng Windows, Quản trị mạng Linux, Xây dựng Web Server và Mail server, An ninh mạng, Bảo mật mạng nâng cao, Quản trị IT...
- ✓ **Phát triển web doanh nghiệp:** Thiết kế Website, Lập trình web với Php, Các Php CMS, ASP.net Core

Chuẩn đầu ra cụ thể:

- a) Có khả năng lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì máy vi tính.
- b) Hiểu và vận dụng được kiến thức về mạng máy tính quản trị mạng, dịch vụ mạng, thực hành an ninh mạng, thiết kế mạng, mạng không dây...
- c) Có khả năng thiết kế (quy mô vừa và nhỏ) hệ thống mạng; phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc quản trị mạng, an ninh mạng, đường kết nối, lưu trữ cơ sở dữ liệu, hệ thống backup thông tin.
- d) Thiết kế, quản trị và vận hành Website cho các doanh nghiệp Non-IT.
- e) Có khả năng phân tích độc lập và thực hiện các công việc liên quan đến mạng và truyền thông; có khả năng phát hiện các vấn đề, tình huống phát sinh trong quá trình làm việc, phân tích và đề xuất giải pháp phù hợp với thực tế để giải quyết. Có khả năng thiết lập các mục tiêu khả thi, lập kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế để hoàn thành công việc được giao.
- f) Có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hợp tác, làm việc nhóm và làm việc trong một tổ chức; có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để giải quyết các tình huống nghề nghiệp khác nhau.
- g) Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
- h) Hiểu và vận dụng kiến thức toán và khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn, pháp luật
- i) Trình độ ngoại ngữ theo qui định của Đại học Nha Trang

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

(1) Nhân viên kỹ thuật phần cứng máy tính. Lắp đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống mạng máy tính, phân tích, thiết kế hệ thống mạng, camera giám sát. Cài đặt hệ thống mạng cho các công ty, xí nghiệp, trường học, các doanh nghiệp IT và Non-IT

(2) Quản trị hệ thống mạng, thiết lập hệ thống truy cập từ xa của công ty, xí nghiệp; khai thác và cài đặt các dịch vụ mạng Internet như Mail, Web, DNS, FTP... cho các đơn vị, Công ty, XN... Chẩn đoán, giám sát, theo dõi và khắc phục các sự cố mạng máy tính. Bảo trì, nâng cấp, tối ưu hệ thống mạng. Công tác trong các đơn vị chuyên về bảo mật hệ thống, phần mềm, thiết bị. Giám sát hệ thống mạng, phát hiện và chống xâm nhập bất hợp pháp từ bên ngoài...

(3) Nhân viên thiết kế, lập trình, phát triển website trong các công ty phần mềm.

(1), (2), (3) Tự mở một công ty, doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, máy vi tính hoặc thực hiện các dịch vụ về công nghệ thông tin như: Lắp ráp và bảo trì máy vi tính, Network, Quản trị mạng, Thiết kế website thương mại điện tử, thương mại thông tin.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng học phần: **38**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **104** Tín chỉ
- Khối lượng các học phần chung/đại cương: **34*15** giờ, trong đó:
 - +/ *Bắt buộc*: **30*15** giờ
 - +/ *Tự chọn*: **4*15** giờ
- Khối lượng các học phần, chuyên môn: **70*15** giờ, trong đó:
 - +/ *Bắt buộc*: **58*15** giờ
 - +/ *Tự chọn*: **12*15** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **1560** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **720** giờ

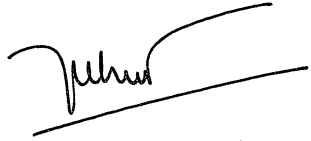
3. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Đáp ứng CDR	
				Tổng số	Trong đó			
					LT	TH		Thi/Kiểm tra
A		GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
I		Các học phần chung						
I.1		Học phần bắt buộc	24	360	192	146	22	
1		Chính trị 1	2	30	20	8	2	g
2		Chính trị 2	3	45	30	12	3	g

3		Pháp luật đại cương	2	30	22	6	2	h
4		Tin học cơ sở	2	30	22	6	2	a
5		Thực hành tin học cơ sở	1	15		14	1	a
6		Ngoại ngữ 1	4	60	30	26	4	i
7		Ngoại ngữ 2	4	60	30	26	4	i
8		Công tác an ninh	2	30	19	10	1	
9		Quân sự quốc phòng	3	45	17	26	2	
10		Điền kinh	1	15	2	12	1	
I.2		Học phần tự chọn	2	30	4	24	2	
1		Bóng đá	1	15	2	12	1	
2		Bóng chuyền	1	15	2	12	1	
3		Cầu lông	1	15	2	12	1	
4		Võ Thuật	1	15	2	12	1	
5		Bơi lội	1	15	2	12	1	
II		Nhóm HP thuộc khối Xã hội Nhân văn						
II.1		Học phần bắt buộc	2	30	18	10	2	
1		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	18	10	2	f
II.2		Học phần tự chọn	2	30	18	10	2	
1		Khởi sự doanh nghiệp	2	30	18	10	2	f
2		Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30	18	10	2	f
3		Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	18	10	2	f
III		Nhóm HP thuộc khối Khoa học tự nhiên						
III.1		Học phần bắt buộc	4	60	45	11	4	
1		Toán A	4	60	45	11	4	h
III.2		Học phần tự chọn						
B		CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN						
I		Học phần cơ sở (bắt buộc)	27	405	247	131	27	
1		Kiến trúc máy tính	3	45	34	8	3	a,e
2		Mạng máy tính	3	45	32	10	3	b,e

3		Nhập môn lập trình	3	45	27	15	3	d
4		Cơ sở dữ liệu	3	45	34	8	3	d
5		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	27	15	3	d
6		Kỹ thuật điện - điện tử	3	45	27	15	3	a
8		Thiết kế Web	3	45	27	15	3	d
9		Lắp ráp và bảo trì máy tính	3	45	12	30	3	b,c,e
10		Lập trình hướng đối tượng	3	45	27	15	3	
II		Học phần chuyên môn	43					
<i>II.1</i>		<i>Học phần bắt buộc</i>	31	465	216	225	27	
1		Hệ điều hành Linux	3	45	12	15	3	b,e
2		Quản trị Windows Server	3	45	27	15	3	b,c,e
3		Thực hành Quản trị Window Servers	2	45	27	15	3	b,c,e
4		Quản trị Linux Server	3	45	27	15	3	b,c,e
5		Thực hành quản trị Linux Server	2	45	27	15	3	b,c,e
6		Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	3	45	27	15	3	b,c,e
7		Thiết kế và triển khai mạng	4	60	27	30	3	b,c,e
8		An toàn mạng	3	60	27	30	3	b,c,e
9		Cơ sở và Ứng dụng IoT	3	45	15	15	3	b,c,e
10		Thực tập tốt nghiệp	5			60		
<i>II.2</i>		<i>Học phần tự chọn</i>	12	180	108	60	12	
1		Đồ họa ứng dụng	3	45	27	15	3	d
2		PHP và MySQL căn bản	3	45	27	15	3	d
3		Xây dựng website với PHP CMS	3	45	27	15	3	d
4		Lập trình web với ASP.net core	3	45	27	15	3	d
5		Hệ thống phát hiện và phòng chống xâm nhập mạng	3	45	27	15	3	b,c,e
6		MCSA1	3	45	27	15	3	b,c,e
7		Công nghệ mạng không dây	3	45	27	15	3	b,c,e
8		CCNA1	3	45	27	15	3	b,c,e
Tổng cộng				1.560	848	617	98	

TRƯỜNG KHOA/VIỆN



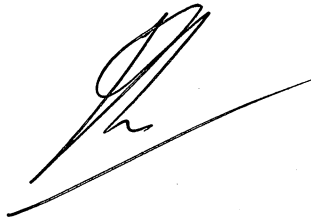
Phạm Thị Thu Thủy

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



Mai Cường Thọ

1. TRƯỞNG PHÒNG ĐTDH



Lê Văn Phương

HIỆU TRƯỞNG



Trương Sĩ Trung